

Số: /CCKL-SDPTR

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2022

V/v xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2023 của ngành lâm nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 3084/SNN-KHTH ngày 09/11/2022 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2023 của ngành Nông nghiệp và PTNT. Chi cục Kiểm lâm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2023 của ngành lâm nghiệp với những nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2023

1. Mục tiêu

a) Bảo vệ và phát triển bền vững đối với toàn bộ diện tích rừng hiện có đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên; đảm bảo cơ cấu 3 loại rừng hợp lý (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất). Thực hiện hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng rừng, đáp ứng yêu cầu về cung cấp nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, phòng hộ và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Phát triển Lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; phát triển kinh tế rừng toàn diện, bền vững, góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người làm nghề rừng.

c) Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định độ che phủ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

2. Chỉ tiêu

a) Tốc độ tăng GRDP lâm nghiệp năm 2023 tăng 5,1%.

b) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2023 đạt 57,3% .

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2023

1. Nhiệm vụ

Tổ chức thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (Tiểu dự án 1, Dự án

3); Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng, thực hiện tốt bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên hiện có, duy trì độ che phủ rừng. Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng. Tiếp tục thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng; cụ thể như sau:

a) Trồng rừng tập trung 8.000 ha; trong đó trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 160 ha; trồng rừng sản xuất 7.840 ha/năm (trồng rừng gỗ lớn 4.449,6 ha).

b) Bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng khoanh nuôi tái sinh rừng năm 2023: 165.509,63 ha; trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Tiểu dự án 1, dự án 3): 67.816,40 ha; cụ thể:

+ Khoán bảo vệ rừng: 67.095,91 ha;

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng: 720,49 ha.

- Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025: 92.449,23 ha; cụ thể:

+ Khoán bảo vệ rừng, khoán khoanh nuôi rừng: 50.723,15 ha;

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng: 41.726,08 ha (các công ty lâm nghiệp: 20.048,68 ha, Ban quản lý rừng đặc dụng An Toàn: 21.677,40 ha).

- Khoán từ nguồn vốn dịch vụ môi trường, vốn ngân sách tỉnh, vốn ngân sách huyện và vốn tự chủ của đơn vị: 5.244,0 ha.

c) Khai thác gỗ rừng trồng 8.760 ha/năm; sản lượng 1.051.200 tấn.

d) Sản xuất cây giống lâm nghiệp: 200.000 cây giống.

đ) Trồng cây phân tán: 1.836 nghìn cây.

e) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,3%.

g) Chăm sóc rừng: 19.498,8 ha, trong đó rừng phòng hộ 296,3 ha; rừng sản xuất 19.202,5 ha.

2. Giải pháp

a) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến công tác bảo vệ và phát triển rừng cho nhân dân nhất là người dân ở các vùng rừng, ven rừng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao ý thức xã hội về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng, chống chặt, phá rừng trái pháp luật; nâng cao nhận thức về phát triển rừng bền vững, trồng rừng sản xuất gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, sử dụng lâm sản có nguồn gốc hợp pháp.

b) Quản lý chặt chẽ, điều chỉnh kịp thời quy hoạch 3 loại rừng cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh; thực hiện xã hội hóa

lâm nghiệp cho các năm tiếp theo; giải quyết dứt điểm các vụ việc, lấn, chiếm tranh chấp đất lâm nghiệp; đẩy mạnh giao đất cho hộ gia đình, cá nhân để người dân và các doanh nghiệp yên tâm đầu tư trồng rừng.

c) Chủ động, tích cực tham mưu các cấp chính quyền địa phương chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

d) Thực hiện công tác giao rừng, thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, thuê đất lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp; phối hợp thực hiện công tác giao đất, gắn với giao rừng cho 05 Ban quản lý rừng phòng hộ chưa có quyết định giao đất và các hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất lâm nghiệp lâu dài, ổn định.

đ) Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết hợp tác trong trồng rừng, phát triển rừng, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản; thực hiện quản lý rừng trồng gắn với cấp chứng chỉ rừng để nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp.

e) Tăng cường công tác quản lý giống cây lâm nghiệp theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đẩy mạnh sản xuất giống bằng công nghệ sinh học đảm bảo cây trồng có năng suất, chất lượng cao. Tăng cường công tác khuyến lâm, chuyển giao tiên bộ kỹ thuật trồng lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, trồng rừng kinh tế thâm canh chất lượng cao.

g) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực lâm nghiệp như: theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; cảnh báo cháy rừng, phát hiện nhanh điểm cháy.

h) Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; có giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn ODA; tăng cường huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài. Sử dụng có hiệu quả tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Lê Đức Sáu

Phụ lục I:**Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2023 thuộc lĩnh vực lâm nghiệp**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2022	Ước TH 2022	KH năm 2023
1	Tốc độ tăng GRDP Nông, lâm, thủy sản	%			
	Trong đó:				
	- Lâm nghiệp	%	2,3		5,1
2	Tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh	%	56,90	56,90	57,30
-	Huyện An Lão		82,71	82,71	83,10
-	Thị xã An Nhơn		25,85	25,85	25,95
-	Huyện Hoài Nhơn		49,62	49,62	49,82
-	Huyện Hoài Ân		66,48	66,48	67,0
-	Huyện Phù Cát		42,57	42,57	43,10
-	Huyện Phù Mỹ		33,00	33,00	33,25
-	TP. Quy Nhơn		32,24	32,24	32,40
-	Huyện Tuy Phước		13,03	13,03	13,10
-	Huyện Tây Sơn		55,96	55,96	56,34
-	Huyện Vân Canh		72,25	72,25	72,25
-	Huyện Vĩnh Thạnh		76,90	76,90	76,90